

# KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN CỦA HẢI QUAN VIỆT NAM

Đỗ Thị Hải Hà\*, Mạc Thị Hải Yến \*\*, Đỗ Thu Huyền\*\*\*

Ngày nhận: 21/7/2015

Ngày nhận bản sửa: 19/9/2015

Ngày duyệt đăng: 25/9/2015

## Tóm tắt:

*Trong bối cảnh phát triển và hội nhập hiện nay, một yêu cầu tất yếu khách quan đặt ra cho Hải quan Việt Nam là chuyển đổi phương thức quản lý từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”- kiểm tra sau thông quan dựa trên nguyên tắc quản lý rủi ro. Bài viết này phân tích thực trạng kiểm tra sau thông quan của Hải quan Việt Nam giai đoạn 2010-2014, từ đó chỉ ra những thành tựu cũng như hạn chế của kiểm tra sau thông quan. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp có liên quan đến hoàn thiện hệ thống pháp lý về kiểm tra sau thông quan, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của hệ thống, hoàn thiện quy trình và các công cụ hỗ trợ hệ thống, hoàn thiện cơ sở vật chất của hệ thống, phối hợp giữa hoạt động kiểm tra sau thông quan với các lĩnh vực nghiệp vụ và các đơn vị liên quan khác.*

**Từ khóa:** Hải quan, Kiểm tra sau thông quan, Quản lý rủi ro.

## Post clearance audit in Vietnam Custom

### Abstract

*In the context of international integration, an indispensable requirement for Vietnam Customs is moving from “pre-control” method to “post-control” method based on risk management. This article analyzes the current situation of post clearance audit (PCA) at Vietnam Customs from 2010 to 2014, showing the achievements and limitations of the PCA system. The findings of this study provide evidence to propose solutions to improve the PCA legal system, human resource competency, process and supporting tools, facilities, cooperation between PCA operations and other related fields and organizations.*

*Key words:* Customs, Post clearance audit, Risk management.

## 1. Giới thiệu

Kiểm tra sau thông quan được hình thành và hoàn thiện cùng với sự hình thành và phát triển của khoa học về quản lý rủi ro trong quá trình hoạt động của hải quan các nước trên thế giới. Trong bối cảnh phát triển và hội nhập hiện nay, một yêu cầu tất yếu khách quan đặt ra cho Hải quan Việt Nam là chuyển đổi phương thức quản lý từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” dựa trên nguyên tắc quản lý rủi ro (thay vì kiểm tra 100% hàng hoá nhập khẩu thì cơ quan hải quan thông qua hệ thống quản lý rủi ro để đánh giá mức độ rủi ro, tiến hành phân luồng và áp dụng biện pháp kiểm tra thích hợp).

Quốc hội (2014 - Khoản 1a, Điều 15) đã ban hành

quy định về các phương pháp kiểm tra hải quan. Trong đó, kiểm tra sau thông quan là một trong những phương pháp đáng chú ý nhất vì một hệ thống kiểm tra sau thông quan đủ mạnh có thể phát hiện và ngăn chặn mọi hình thức gian lận, đặc biệt là gian lận về trị giá hải quan. Tuy vậy, kiểm tra sau thông quan vẫn còn khá mới mẻ khi áp dụng ở Việt Nam. Ngoài những kết quả bước đầu khả quan, công tác kiểm tra sau thông quan vẫn còn nhiều hạn chế, đòi hỏi cần phải tiếp tục đổi mới và hoàn thiện cho phù hợp với quá trình phát triển và hội nhập của xã hội.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu, đưa ra khuyến nghị giải pháp hoàn thiện nhằm nâng cao năng lực

và hiệu quả của công tác kiểm tra sau thông quan trong giai đoạn hiện nay là hết sức cần thiết, có ý nghĩa cả về mặt lý luận cũng như thực tiễn để kiểm tra sau thông quan thực sự trở thành một công cụ quản lý hiện đại, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ của ngành Hải quan nói chung trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực.

## **2. Kiểm tra sau thông quan**

### **2.1. Khái niệm và vai trò của kiểm tra sau thông quan**

Các cơ quan hải quan trên thế giới xuất phát từ phạm vi kiểm tra khác nhau của mỗi hệ thống kiểm tra của từng quốc gia mà sử dụng các thuật ngữ khác nhau cho hoạt động kiểm tra của mình như kiểm tra sau nhập khẩu (Post-Importation Audit), kiểm tra sau giải phóng hàng (Post-Entry Examination) nhưng trong đó, thuật ngữ do Tổ chức Hải quan Thế giới (World Customs Organisation – WCO) đưa ra “kiểm tra sau thông quan” (Post-Clearance Audit) được sử dụng phổ biến nhất (Hoàng Tùng, 2010). Khái niệm kiểm tra sau thông quan cũng được hiểu theo nhiều cách khác nhau:

Tổ chức hải quan thế giới (1999 - Chương II - Phụ lục tổng quát) định nghĩa: Kiểm tra trên cơ sở kiểm toán là các biện pháp được cơ quan hải quan tiến hành nhằm xác định tính chính xác và trung thực của khai báo hải quan thông qua việc kiểm tra các chứng từ, sổ kế toán, hệ thống kinh doanh và dữ liệu thương mại của các bên có liên quan.

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (2004) định nghĩa: Kiểm tra sau thông quan là một biện pháp kiểm soát có hệ thống do cơ quan hải quan tiến hành nhằm đánh giá độ chính xác và trung thực của việc khai báo hải quan thông qua việc kiểm tra sổ sách, hồ sơ có liên quan, hệ thống kinh doanh, dữ liệu thương mại của cá nhân, các công ty tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp.

Tại Việt Nam, Quốc Hội (2014 - Điều 77, Mục 9, Chương 3) quy định: “Kiểm tra sau thông quan là hoạt động kiểm tra của cơ quan hải quan đối với hồ sơ hải quan, sổ kế toán, chứng từ kế toán và các chứng từ khác, tài liệu, dữ liệu có liên quan đến hàng hóa; kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp cần thiết và còn điều kiện sau khi hàng hóa đã được thông quan”.

Như vậy, có thể thấy kiểm tra sau thông quan là hoạt động kiểm tra của cơ quan hải quan đối với hồ sơ hải quan, sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo

tài chính, các hồ sơ, tài liệu, dữ liệu liên quan (ở dạng giấy hoặc dữ liệu điện tử), hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đã được thông quan trong trường hợp cần thiết và còn điều kiện nhằm kiểm tra, đánh giá tính chính xác, trung thực nội dung các chứng từ, hồ sơ mà người khai hải quan, người nộp thuế đã khai, nộp, xuất trình với cơ quan hải quan; thẩm định việc tuân thủ pháp luật hải quan và các quy định khác của pháp luật liên quan đến quản lý xuất khẩu, nhập khẩu của người khai hải quan.

Kiểm tra sau thông quan góp phần nâng cao năng lực quản lý của cơ quan hải quan, thực hiện chống gian lận thương mại có hiệu quả, đồng thời tạo điều kiện, cho phép áp dụng đơn giản hoá, tự động hoá thủ tục hải quan đảm bảo thông quan nhanh hàng hoá xuất nhập khẩu góp phần tích cực vào phát triển và giao lưu thương mại quốc tế, cải thiện môi trường đầu tư; góp phần tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng trong sản xuất, lưu thông; nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của cộng đồng doanh nghiệp; góp phần tăng thu về thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, giảm thiểu chi phí và rủi ro; tác động tích cực trở lại với hệ thống quản lý của cơ quan hải quan thông qua việc nhận biết và xử lý các rủi ro tiềm ẩn của toàn hệ thống kiểm tra, giám sát hải quan; mở rộng phạm vi kiểm tra tiếp khi cần thiết trong nhiều lĩnh vực khác như kiểm tra về chế độ giấy phép, về hạn ngạch, về xuất xứ hàng hóa, về sử dụng và quản lý hàng hóa được miễn thuế hoặc giảm thuế, chống bán phá giá, quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp.

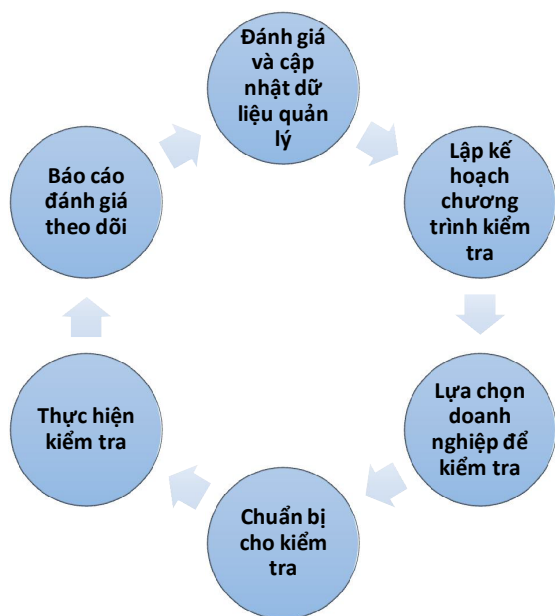
Tóm lại, kiểm tra sau thông quan góp phần thúc đẩy hoạt động thương mại quốc tế phát triển đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, tạo lập cơ chế quản lý xuất nhập khẩu phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế đối ngoại của đất nước và xu thế không ngừng mở rộng, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

### **2.2. Nội dung, hình thức và quy trình kiểm tra sau thông quan**

Nội dung kiểm tra sau thông quan bao gồm: (1) kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp hợp lệ của hồ sơ hải quan; (2) kiểm tra tính chính xác của các căn cứ tính thuế, tính chính xác của việc khai các khoản thuế phải nộp, được miễn, không thu được hoàn; (3) kiểm tra việc thực hiện các quy định khác của pháp luật; (4) kiểm tra việc thực hiện pháp luật về Hải quan (Đỗ Thu Huyền, 2015).

Hình thức kiểm tra sau thông quan bao gồm:

**Hình 1. Quy trình kiểm tra sau thông quan của WCO**



Nguồn: Tổ chức Hải quan thế giới - WCO (2012)

kiểm tra theo dấu hiệu vi phạm hoặc kiểm tra theo kế hoạch hoặc kiểm tra chọn mẫu; kiểm tra tại trụ sở cơ quan Hải quan hoặc kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp (Đỗ Thu Huyền, 2015).

Quy trình kiểm tra sau thông quan mẫu mà WCO đưa ra gồm 7 bước được tóm tắt trên Hình 1.

### 3. Thực trạng hoạt động kiểm tra sau thông quan của Hải quan Việt Nam giai đoạn 2010-2015

#### 3.1. Sự thay đổi trong quy trình kiểm tra sau thông quan giai đoạn 2010-2011 và giai đoạn 2011-2015

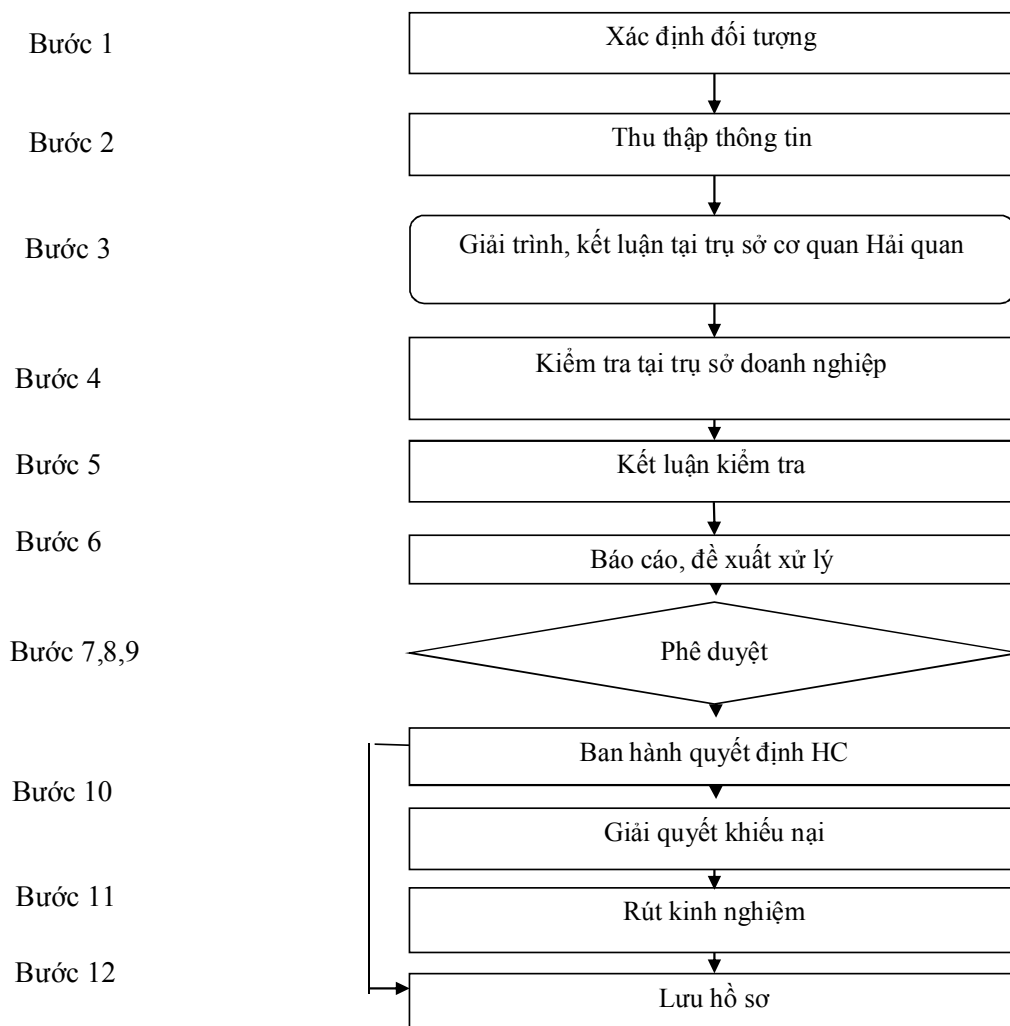
##### 3.1.1. Giai đoạn 2010-2011

Quy trình kiểm tra sau thông quan được Tổng cục Hải quan (2009) quy định gồm 12 bước (Hình 2).

##### 3.1.2. Giai đoạn 2011-2015

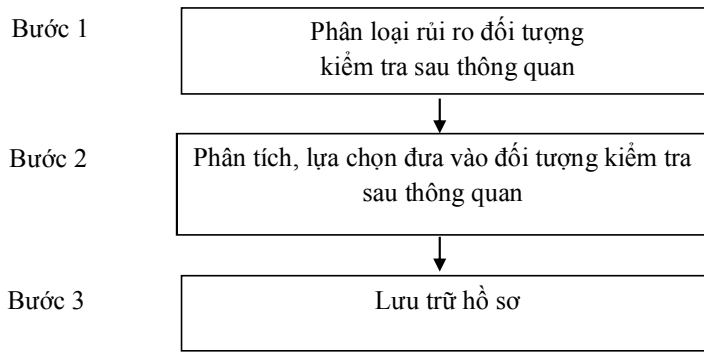
Trong quyết định của Tổng cục Hải quan (2013), điểm mới thứ nhất là quy trình được tách thành 3

**Hình 2. Các bước của quy trình kiểm tra sau thông quan giai đoạn 2010 – 2011**

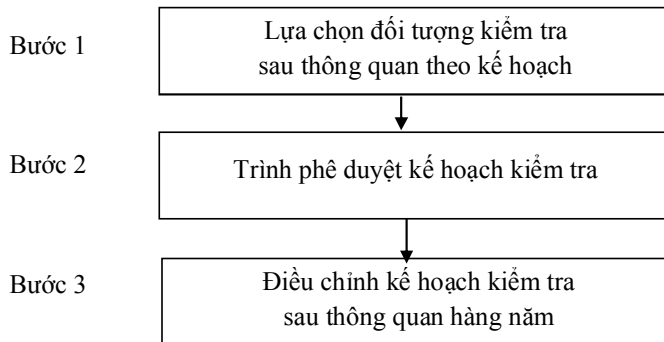


Nguồn: Tổng cục Hải quan (2009)

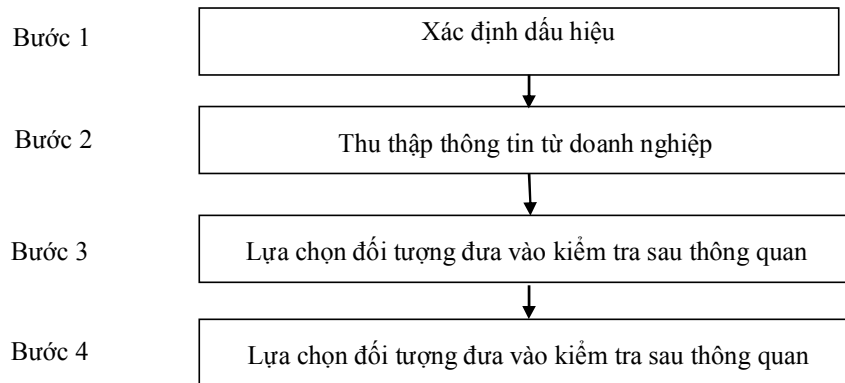
*Thu thập xử lý thông tin tại trụ sở cơ quan hải quan*



*Thu thập xử lý thông tin tại trụ sở doanh nghiệp*



*Thu thập xử lý thông tin theo dấu hiệu và chuyên đề*



quy trình nhỏ: (1) thu thập xử lý thông tin, (2) kiểm tra sau thông quan và (3) lập hồ sơ, ban hành quyết định hành chính. Điểm mới thứ hai là tương ứng với mỗi quy trình nhỏ, từng hoạt động được chia thành các bước cụ thể, rõ ràng, đặc biệt có sự phân biệt giữa hoạt động tiến hành tại cơ quan hải quan và tại trụ sở doanh nghiệp. Điểm mới này tạo điều kiện cho việc tiến hành kiểm tra sau thông quan dễ dàng, nhanh chóng hơn, đảm bảo hiệu lực và hiệu quả cao (Hình 3).

(1) *Thu thập xử lý thông tin có 3 trường hợp:* tại trụ sở cơ quan hải quan, tại trụ sở doanh nghiệp và thu thập và xử lý thông tin theo dấu hiệu và chuyên đề.

(2) *Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan và tại trụ sở doanh nghiệp*

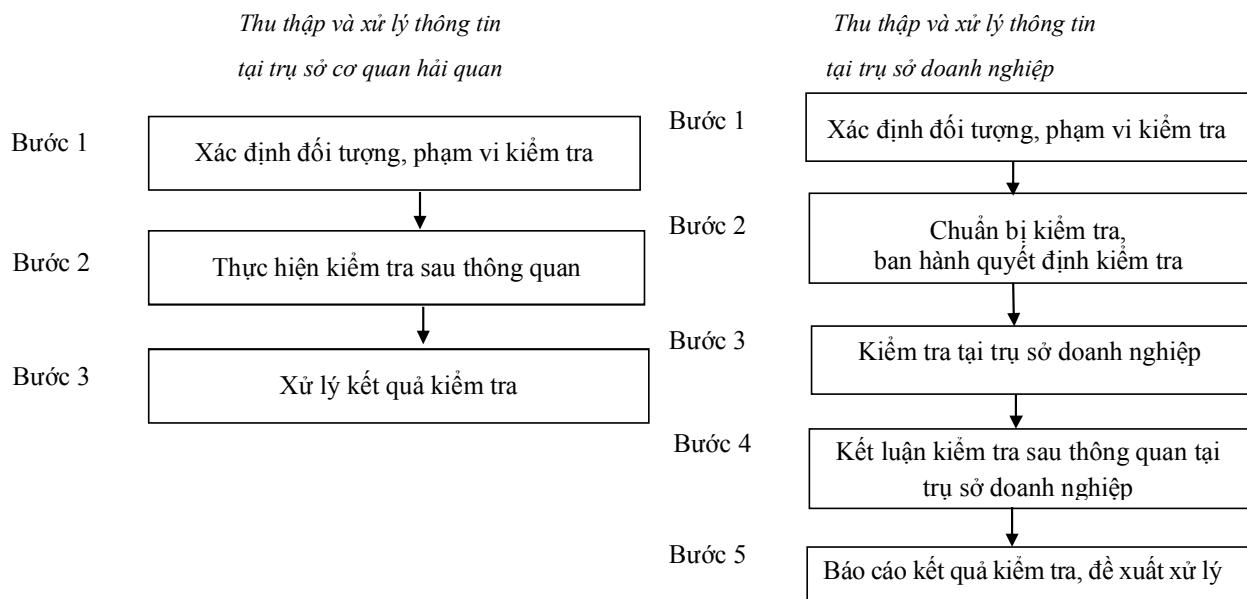
(3) *Lập hồ sơ và ban hành quyết định hành chính*

Lập hồ sơ trong quá trình thu thập và xử lý thông tin, kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan, kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp, ban hành quyết định xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan, giải quyết khiếu nại (nếu có).

**3.2. Thực trạng bộ máy kiểm tra sau thông quan của Hải quan Việt Nam**

Sau hơn 10 năm kiểm tra sau thông quan được hình thành và đi vào hoạt động, Tổng cục Hải quan đã xây dựng được hệ thống tổ chức bộ máy và lực lượng kiểm tra sau thông quan từ Tổng cục Hải quan đến các cục hải quan tỉnh, thành phố với 34 chi cục kiểm tra sau thông quan được thành lập dưới sự chỉ đạo trực tiếp của các cục hải quan tỉnh, thành

**Hình 3. Các bước của quy trình kiểm tra sau thông quan giai đoạn 2011 – 2015**



Nguồn: Tổng cục Hải quan (2013)

phổ và sự chỉ đạo về mặt nghiệp vụ của Cục Kiểm tra Sau thông quan. Hệ thống cơ cấu, tổ chức của lực lượng kiểm tra sau thông quan được thay đổi theo hướng quản lý chuyên sâu từng lĩnh vực kết hợp quản lý theo địa bàn và phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ mới.

Cán bộ, công chức lực lượng kiểm tra sau thông quan đã tăng dần về số lượng theo các năm; đội ngũ công chức lực lượng kiểm tra sau thông quan có nghiệp vụ chuyên môn chuyên sâu, chuyên nghiệp. Bên cạnh việc được đào tạo chung của ngành, lực lượng kiểm tra sau thông quan còn tự đào tạo một số kiến thức chuyên sâu (nghiệp vụ điều tra, tham gia tổ tụng hành chính, giám định tài liệu, kế toán...). Qua đó nhận thức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của công chức hải quan đối với yêu cầu của kiểm tra sau thông quan đã được nâng cao đảm bảo tạo thuận lợi cho các hoạt động thương mại nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về hải quan.

### 3.3. Thực trạng hoạt động kiểm tra sau thông quan ở Việt Nam

Thứ nhất, kết quả thu ngân sách nhà nước của lực lượng kiểm tra sau thông quan được thể hiện trên Bảng 1.

Số liệu tại Bảng 1 cho thấy tổng số tiền theo quyết định truy thu thuế, phạt và số tiền thực thu nộp vào ngân sách nhà nước hầu như tăng đều qua các năm nhờ tập trung kiểm tra chuyên đề, lựa chọn kiểm tra sau thông quan đối với mặt hàng thuế xăng dầu tạm nhập, tái xuất. Năm 2014 tăng gấp 2 lần năm 2011, nhưng giảm hơn 400 tỷ VND so với năm 2013, do đây là năm chính thức áp dụng quy trình thủ tục VNACCS/VCIS trên 34/34 Cục Hải quan tỉnh, thành phố - đây là công nghệ nghiệp vụ mới do đó cần có thời gian hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện các khâu trong quy trình.

Hiệu quả công tác kiểm tra sau thông quan còn

**Bảng 1. Kết quả thu ngân sách nhà nước của lực lượng kiểm tra sau thông quan**

Đơn vị tính: tỷ VND

Chỉ tiêu	2010	2011	2012	2013	2014
Tổng số tiền theo quyết định truy thu thuế, phạt	290,45	545,38	1.373,07	1.593,11	1.104,79
Đã thu nộp ngân sách nhà nước	216,92	450,09	881,37	1.343,88	1.000,20
Tỷ lệ % số thu trên quyết định thu	74,68	82,46	64,20	84,35	90,51

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo tổng kết năm 2010 – 2014 của Cục kiểm tra sau thông quan

**Bảng 2. Tỷ lệ số thu từ kiểm tra sau thông quan so với tổng thu của toàn ngành**

Đơn vị tính: tỷ VND

Chỉ tiêu	2010	2011	2012	2013	2014
Thu toàn ngành	181.485	215.000	221.556	262.021	253.501
Đã thu nộp ngân sách nhà nước	216,92	450,09	881,37	1.343,88	1.000,20
Tỷ lệ % số thu từ kiểm tra sau thông quan so với toàn ngành	0,12	0,2	4,09	0,51	0,39

*Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo tổng kết năm 2010 – 2014 của Cục kiểm tra sau thông quan*

hạn chế và không đồng đều, số thu của lực lượng kiểm tra sau thông quan chỉ chiếm khoảng 0.12-0.51% số thu của toàn ngành (Bảng 2).

*Thứ hai*, về tổ chức phân tích lựa chọn đối tượng kiểm tra sau thông quan kết quả kiểm tra sau thông quan so với tổng số doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu được thể hiện trong Bảng 3, cho thấy số lượng các doanh nghiệp được kiểm tra gia tăng nhanh qua các năm, trong đó hình thức kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan vẫn là chủ yếu (Hình 4).

*Thứ ba*, tổ chức kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan và tại trụ sở doanh nghiệp đã tương đối hoàn thiện. Cơ chế kiểm tra người khai hải quan từ kiểm tra diện rộng sang hình thức kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm tại các doanh nghiệp có nhiều nghi vấn trong việc chấp hành pháp luật về hải quan theo mức độ phân tích, đánh giá rủi ro.

*Thứ tư*, đã có cơ sở pháp lý cho quản lý rủi ro sau thông quan tạo tâm lý yên tâm cho công chức thực hiện và sự tin tưởng của doanh nghiệp vào tính khách quan của hoạt động kiểm tra sau thông quan.

*Thứ năm*, việc xử phạt vi phạm hành chính của lực lượng kiểm tra sau thông quan được thực hiện thống nhất theo nguyên tắc, trình tự, thủ tục đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật.

Thứ sáu, kiểm tra sau thông quan đã góp phần nâng cao nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp đồng thời phát hiện ra các vấn đề bất cập của chính sách, pháp luật.

#### **4. Đánh giá hoạt động kiểm tra sau thông quan của Hải quan Việt Nam và khuyến nghị giải pháp**

##### **4.1. Thành tựu đạt được**

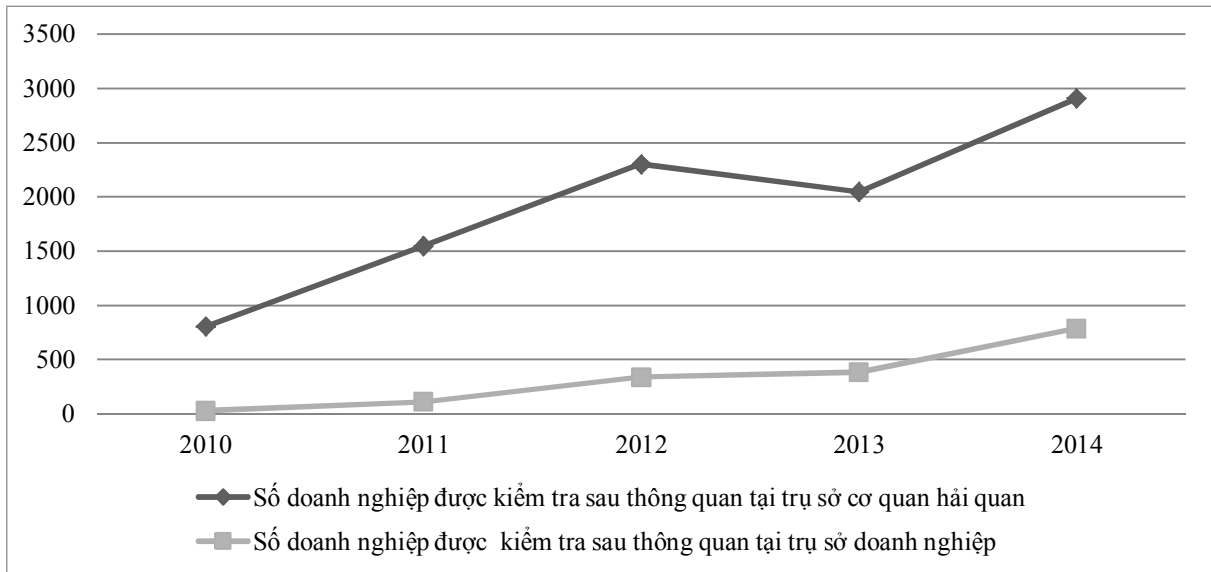
*Thứ nhất*, nội dung của hoạt động kiểm tra sau thông quan về cơ bản đã được quy định tại Luật Hải

**Bảng 3. Kết quả kiểm tra sau thông quan trên số lượng doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu**

Chỉ tiêu	2010	2011	2012	2013	2014
1. Số lượng doanh nghiệp tham gia xuất nhập khẩu	44.467	47.181	45.787	40.378	55.552
2. Tổng số doanh nghiệp được kiểm tra	835	1.661	2.642	2.429	3.697
Trong đó:					
2.1. Số doanh nghiệp được kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan	807	1.550	2.304	2.046	2.910
2.2. Số doanh nghiệp được kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp	28	111	338	383	787

*Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo tổng kết năm 2010 – 2014 của Cục kiểm tra sau thông quan*

**Hình 4: Biểu đồ so sánh số cuộc kiểm tra sau thông quan tại trụ sở hải quan và tại trụ sở doanh nghiệp**



*Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo tổng kết năm 2010 – 2014 của Cục kiểm tra sau thông quan*

quan, Luật Quản lý thuế, các nghị định, thông tư và quy trình hướng dẫn tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai thực hiện công tác kiểm tra sau thông quan, đáp ứng yêu cầu quản lý hải quan, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tại khâu thông quan.

*Thứ hai*, đã xây dựng được bộ máy tổ chức kiểm tra sau thông quan thống nhất từ Tổng cục Hải quan đến các cục hải quan; đội ngũ công chức kiểm tra sau thông quan về cơ bản đáp ứng yêu cầu của công tác kiểm tra sau thông quan; lực lượng kiểm tra sau thông quan từng bước chuyển đổi mạnh mẽ và có định hướng hoạt động đi vào nề nếp.

*Thứ ba* cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện làm việc đã được quan tâm; đặc biệt tại trụ sở Tổng cục Hải quan có một máy giám định tài liệu sử dụng chung cho toàn ngành.

*Thứ tư*, công tác kiểm tra sau thông quan đã đóng góp thêm cho ngân sách nhà nước, góp phần nâng cao tính tự giác trong khai báo, răn đe ngăn chặn kịp thời các trường hợp cố tình sai phạm gian lận thương mại; giúp các doanh nghiệp nắm vững chính sách pháp luật để tránh những sai sót, vi phạm không mong muốn; phát hiện và kiến nghị sửa đổi nhiều sơ hở, bất cập của chính sách, pháp luật và biện pháp quản lý; đã rút ngắn được thời gian kiểm tra tại doanh nghiệp, giảm bớt được các tài liệu mà doanh nghiệp phải xuất trình, khoanh vùng được những nghi vấn cần tập trung góp phần tiết kiệm thời gian, nhân lực, chi phí quản lý hành chính của cơ quan hải quan; hạn chế được tình trạng thông

đồng giữa cán bộ hải quan và doanh nghiệp cũng như hạn chế được tình trạng nhũng nhiễu, vòi vĩnh, đe dọa kiểm tra của cán bộ hải quan đối với doanh nghiệp.

#### **4.2. Hạn chế trong kiểm tra sau thông quan của Hải quan Việt Nam**

*Thứ nhất*, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý công kênh, chưa tập trung, hạn chế sự phối hợp giữa các đơn vị dẫn tới hiệu quả kiểm tra sau thông quan chưa cao. Cục kiểm tra sau thông quan chưa có bộ phận phân tích, đánh giá và cập nhật rủi ro riêng biệt mà phụ thuộc vào Ban quản lý rủi ro trực thuộc Tổng cục Hải quan, hiệu quả phối hợp còn hạn chế, ảnh hưởng đến công tác lựa chọn đối tượng kiểm tra sau thông quan.

*Thứ hai*, số lượng cũng như trình độ nghiệp vụ của công chức làm nhiệm vụ kiểm tra sau thông quan chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và chưa đồng đều. Một số công chức có kinh nghiệm thực tế về nghiệp vụ hải quan nhưng chưa được đào tạo về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Nhiều cán bộ công chức được đào tạo chuyên sâu về kiểm tra sau thông quan hầu hết đã luân chuyển sang làm việc khác. Bên cạnh đó, quy chế luân chuyển cán bộ còn nhiều bất cập, gây ảnh hưởng đến tâm lý và kỹ năng nghiệp vụ của cán bộ công chức làm nhiệm vụ kiểm tra sau thông quan.

*Thứ ba*, việc xây dựng hệ thống tiêu chí và chỉ tiêu đánh giá còn nhiều hạn chế: các tiêu chí về rủi

ro chưa được cập nhật kịp thời; các tiêu chí đánh giá phân loại doanh nghiệp còn mang tính chủ quan và chưa đáp ứng được yêu cầu phân loại đối tượng doanh nghiệp. Hiện nay, cơ quan Hải quan chưa xây dựng được hồ sơ về doanh nghiệp, gây ảnh hưởng đến công tác xử lý, phân tích và đánh giá về doanh nghiệp và chủ doanh nghiệp.

*Thứ tư*, mặc dù Tổng cục Hải quan đã ban hành quy trình thu thập và xử lý thông tin trong khâu nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan nhưng trên thực tế các nguồn thông tin thu thập được chủ yếu là từ hệ thống cơ sở dữ liệu của ngành Hải quan, các nguồn thu thập thông tin khác rất hạn chế dẫn đến hiệu quả thu thập và phân tích thông tin chưa cao.

*Thứ năm*, công tác đánh giá sự tuân thủ pháp luật của các doanh nghiệp làm cơ sở cho việc thực hiện các chính sách ưu tiên trong khâu thông quan chưa đạt hiệu quả như mong muốn. Công tác lập kế hoạch và tổ chức lựa chọn đối tượng kiểm tra sau thông quan chưa có hiệu quả cao, số cuộc kiểm tra sau thông quan không phát hiện vi phạm còn chiếm tỷ lệ lớn. Theo số liệu năm 2014 của Cục kiểm tra sau thông quan, trong đợt thực hiện 21 cuộc kiểm tra sau thông quan của Chi cục kiểm tra sau thông quan Hà Nội thì có tới 16 cuộc không phát hiện vi phạm (Cục kiểm tra sau thông quan, 2014).

*Thứ sáu*, hiệu quả kiểm tra sau thông quan không đồng đều giữa các đơn vị ở các địa phương khác nhau. Trong khi một số đơn vị thực hiện rất có hiệu quả (điển hình là Cục Hải quan Bình Dương) thì ở nhiều đơn vị khác hiệu quả còn thấp, cả năm không thực hiện được một cuộc kiểm tra sau thông quan tại doanh nghiệp nào, không có phát hiện nào về sai sót, vi phạm của doanh nghiệp, về bất cập, sơ hở của chính sách, pháp luật và quản lý nhà nước.

### **4.3. Khuyến nghị giải pháp**

#### **4.3.1. Hoàn thiện hệ thống pháp lý về kiểm tra sau thông quan**

Tổng cục Hải quan cần ban hành quy định chi tiết về kiểm tra sau thông quan, tạo hành lang pháp lý cho lực lượng kiểm tra sau thông quan tác nghiệp và tạo cơ sở pháp lý khi tranh tụng tại Tòa hành chính. Đồng thời, các quy định tại Luật Hải quan hiện hành cần được bổ sung, hoàn thiện và chuẩn hoá đảm bảo đủ cơ sở pháp lý để vận hành cơ chế quản lý rủi ro trong các hoạt động nghiệp vụ hải quan, bảo đảm kiểm soát hải quan được thực hiện trước, trong và sau thông quan hải hoà, thuận tiện và chặt chẽ.

Ngoài ra, cần hoàn thiện pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan nhằm nâng cao hiệu quả và hiệu lực công tác kiểm tra sau thông quan; đảm bảo thuận lợi cho cộng đồng doanh nghiệp và hoạt động xuất nhập khẩu; ngăn chặn buôn lậu, gian lận thương mại, tạo sự cạnh tranh công bằng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Bên cạnh đó, Luật Thuế xuất nhập khẩu cần quy định cụ thể, chi tiết các phương pháp xác định trị giá hải quan. Đặc biệt, cần giải thích rõ ràng, đầy đủ về các thuật ngữ, khái niệm sử dụng trong xác định trị giá được nêu trong văn bản luật.

Đối với luật Quản lý thuế, cần có thêm quy định về khai bổ sung hồ sơ khai thuế quy định tại Khoản 2 Điều 34 theo hướng kéo dài thời hạn doanh nghiệp được khai bổ sung từ 60 ngày như hiện nay lên 365 ngày. Quy định này cũng phù hợp với quy định về báo cáo sổ sách, chứng từ kế toán thuế định kỳ 1 năm của doanh nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp có cơ hội khai bổ sung.

Các văn bản hướng dẫn kỹ thuật nghiệp vụ trong lĩnh vực kiểm tra sau thông quan của ngành Hải quan phải đảm bảo cụ thể, chi tiết đến từng bước công việc mà công chức hải quan phải thực hiện khi tiến hành kiểm tra sau thông quan; đơn giản, dễ hiểu để đảm bảo sự thống nhất trong thực hiện và áp dụng theo một quy trình, trật tự nhất định.

#### **4.3.2. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của hệ thống kiểm tra sau thông quan**

Tập trung nâng cao nhận thức của công chức trước hết là lãnh đạo các cấp ngành hải quan nhằm tạo sự chuyển biến rõ rệt về quyết tâm chính trị trong việc chuyển đổi mạnh mẽ phương thức quản lý từ kiểm tra trong thông quan sang kiểm tra sau thông quan bằng cách tuyên truyền, mở các lớp tập huấn giới thiệu về vai trò, ý nghĩa và yêu cầu của phương thức quản lý mới, đưa vào các tiêu chí để đánh giá phân loại và xét thi đua khen thưởng hàng năm.

Bố trí nguồn nhân sự trên cơ sở tổ chức sắp xếp lại bộ máy kiểm tra sau thông quan trong toàn ngành từ Tổng cục xuống các cục hải quan tỉnh, thành phố theo hướng quản lý tập trung về Tổng cục kết hợp chuyên sâu với quản lý theo địa bàn. Song song với việc xây dựng chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức này thì việc bố trí sắp xếp công chức kiểm tra sau thông quan có ý nghĩa hết sức quan trọng, quyết định đến hiệu quả của công tác kiểm tra sau thông



quan. Vì vậy, việc sắp xếp công chức phải đảm bảo chuyên môn hoá, tính chuyên nghiệp cao, về lâu dài phải hình thành một đội ngũ chuyên gia trong các lĩnh vực chuyên sâu. Ngoài ra, công chức làm công tác kiểm tra sau thông quan phải được đào tạo cơ bản về kinh tế, am hiểu hoạt động ngoại thương, nguyên tắc định giá trong kinh doanh, nguyên tắc xây dựng giá thành sản phẩm hàng hóa, nguyên tắc kế toán và nắm vững công tác thực tế trong ngành đặc biệt là lĩnh vực chuyên môn có liên quan như thủ tục hải quan, thuế, điều tra chống buôn lậu.

Về vấn đề biên chế cho lực lượng kiểm tra sau thông quan, ngành cần căn cứ vào khối lượng công việc và để đảm bảo chu kỳ khoảng 5 năm phải kiểm tra được một lần đối với một doanh nghiệp, việc bố trí biên chế cho lực lượng kiểm tra sau thông quan cần được thực hiện theo hướng tính chung toàn ngành, dành tối thiểu 10% biên chế (hiện nay biên chế kiểm tra sau thông quan chiếm 6.93%) cho lực lượng kiểm tra sau thông quan.

#### *4.3.3. Hoàn thiện quy trình và các công cụ hỗ trợ hệ thống kiểm tra sau thông quan*

Hoàn thiện quy trình kiểm tra sau thông quan theo hướng thực hiện hợp lý và có kết quả cho cả hình thức kiểm tra theo kế hoạch và chọn mẫu. Trong quy trình cần bổ sung thêm yêu cầu về công tác phối hợp giữa các đơn vị trong việc cung cấp thông tin, xác minh, chuyển hồ sơ.

Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật về Hải quan nói chung và pháp luật về kiểm tra sau thông quan nói riêng theo các hướng sau:

- Phối hợp với các cơ sở đào tạo kiến thức liên quan đến Hải quan, mở rộng chương trình đào tạo và cập nhật các kiến thức liên quan đến kiểm tra sau thông quan;

- Mở rộng và hoàn thiện hệ thống đại lý Hải quan đảm bảo năng lực và kiến thức để khai báo đúng quy định liên quan đến pháp luật Hải quan, và khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng dịch vụ khai thuế của các đại lý hải quan;

- Phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các hiệp hội ngành nghề, các cơ quan thông tin, tuyên truyền như báo đài, truyền hình, phát thanh phổ biến thông tin về kiểm tra sau thông quan, tạo điều kiện giúp cho các doanh nghiệp tuân thủ pháp luật hơn.

#### *4.3.4. Hoàn thiện cơ sở vật chất của hệ thống kiểm tra sau thông quan*

Điều kiện làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ kiểm tra sau thông quan phải đảm bảo đáp ứng tối đa điều kiện làm việc, thông tin cao, cơ động đáp ứng mục tiêu công tác kiểm tra sau thông quan đến năm 2020. Đặc biệt, ngành hải quan cần nâng cấp các hệ thống cơ sở dữ liệu của ngành song song với việc xây dựng kênh kết nối (online) với cơ sở dữ liệu của các cơ quan, tổ chức liên quan để bổ sung cho nguồn thông tin tại chỗ. Việc hoàn thiện phần mềm hệ thống thông tin phục vụ kiểm tra sau thông quan và quản lý rủi ro cũng rất quan trọng, cụ thể ngành hải quan cần tái thiết kế lại các phần mềm như: phần mềm quản lý tờ khai xuất nhập khẩu, xử lý vi phạm hành chính, kế toán thuế theo hướng tích hợp và đa chức năng đồng thời nâng cấp tốc độ đường truyền để cải thiện hiệu quả khai thác trong quá trình thu thập, tìm kiếm và đối chiếu thông tin.

#### *4.3.5. Phối hợp giữa hoạt động kiểm tra sau thông quan với các lĩnh vực nghiệp vụ và các đơn vị liên quan khác*

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp trong ngành hải quan, các đơn vị kiểm tra sau thông quan cần có quan hệ phối hợp chặt chẽ nhất là với các đơn vị chịu trách nhiệm trong lĩnh vực quản lý rủi ro, trị giá, thông quan, điều tra... để duy trì việc trao đổi và sử dụng hiệu quả thông tin, hỗ trợ cho việc nhận dạng và lựa chọn đối tượng, xác định phạm vi kiểm tra.

Tăng cường phối hợp và trao đổi thông tin giữa cơ quan hải quan với các cơ quan có liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu như Bộ Công thương, Bộ Y tế, Bộ Giao thông Vận tải, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đảm bảo triển khai và thực hiện thành công cơ chế một cửa quốc gia. Đơn vị kiểm tra sau thông quan cũng cần đẩy mạnh hợp tác, thiết lập mối quan hệ hỗ trợ lẫn nhau với hải quan các nước để được cung cấp thông tin về doanh nghiệp và hàng hoá ở nước đó xuất khẩu vào Việt Nam phục vụ cho công tác quản lý rủi ro và xác minh thông tin liên quan đến kiểm tra sau thông quan.

Trên đây là một số đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động kiểm tra sau thông quan của Hải quan Việt Nam. Trong tương lai sẽ cần có những nghiên cứu đánh giá chi tiết hơn tác động của các hoạt động này nhằm đề xuất quy trình hoàn thiện và phù hợp với điều kiện hội nhập, phát triển của xã hội. □

## Tài liệu tham khảo

- Cục Kiểm tra sau thông quan (2014), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2010 – 2014 và 01 năm thực hiện Chi thị 568/CT-TCQH*, Tổng cục Hải quan, Hà Nội.
- Đỗ Thu Huyền (2015), ‘Kiểm tra sau thông quan của Hải quan Việt Nam’, Luận văn Thạc sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh – Học viện Chính trị khu vực I.
- Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (Association of Southeast Asian Nation) (2004), *Cẩm nang hướng dẫn kiểm tra sau thông quan của Hải quan ASEAN (ASEAN Post-Clearance Audit Manual – The final Draft)*, Jakarta.
- Hoàng Tùng (2010), ‘Bàn về quy trình kiểm tra sau thông quan trong hoạt động quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu của Hải quan Việt Nam’, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng*, 6(41), 200-206.
- Quốc Hội (2014), *Luật Hải quan số 54/2014/QH13*, ban hành ngày 23 tháng 6 năm 2014.
- Tổng cục Hải quan (2009), *Quyết định Số 1383/QĐ-TCHQ về quy trình nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan, kiểm tra thuế đối với hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu*, ban hành ngày 14 tháng 7 năm 2009.
- Tổng cục Hải quan (2013), *Quyết định Số 3550/QĐ-TCHQ về quy trình nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan, kiểm tra thuế đối với hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu*, ban hành ngày 01 tháng 11 năm 2013.
- Tổ chức Hải quan thế giới [WCO] (1999), *Công ước Kyoto sửa đổi (Revised Kyoto Convention)*, Brussels.
- Tổ chức Hải quan thế giới [WCO] (2012), *Guidelines for Post-Clearance Audit, Volum 1*(Hướng dẫn kiểm tra sau thông quan, Phần 1), Brussels.

---

### Thông tin tác giả:

\* **Đỗ Thị Hải Hà**, Phó giáo sư, Tiến sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Khoa học Quản lý, trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Quản lý công và chính sách công
- Một số tạp chí tác giả đã đăng tải công trình nghiên cứu: *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*,
- Địa chỉ Email: truchainam@yahoo.com

\*\* **Mạc Thị Hải Yến**, Thạc sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Khoa học Quản lý, trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Quản lý và chính sách công
- Địa chỉ Email: haiyen.qlkt@gmail.com

\*\*\***Đỗ Thu Huyền**

- Tổ chức tác giả công tác: Vụ Tổ chức cán bộ- Tổng cục Hải quan